

CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (1955 - 1975)

Phạm Ngọc Bảo Liêm

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: pnbliem@gmail.com

Ngày nhận bài: 20/01/2024; ngày hoàn thành phản biện: 25/02/2024; ngày duyệt đăng: 5/3/2024

TÓM TẮT

Sau khi chính quyền Việt Nam Cộng hòa được thiết lập ở miền Nam Việt Nam (1955), bên cạnh những vấn đề về chính trị, quân sự cần giải quyết, chính thể này đã có những chính sách về văn hóa - xã hội nhằm điều chỉnh sự phát triển của xã hội miền Nam trong bối cảnh lịch sử mới. Trong tổng thể đó, chính sách đối với giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng cũng từng bước được định hình. Bài viết này của chúng tôi sẽ làm rõ những vấn đề chủ yếu về quá trình hình thành cũng như những nội dung chính trong chính sách của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với giáo dục và giáo dục đại học thời kỳ 1955 - 1975 ở miền Nam Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách giáo dục, giáo dục đại học, miền Nam Việt Nam, Việt Nam Cộng hòa.

1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ QUÁ TRÌNH ĐỊNH HÌNH CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC CỦA CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA

Sau khi chính thể Việt Nam Cộng hòa chính thức hình thành (1955), vấn đề giáo dục nhận được sự quan tâm của các giới ở miền Nam nhằm “kiến thiết lại nền học vấn quốc gia”. Bởi như nhận xét của Giáo sư Nguyễn Văn Trung về hiện trạng nền giáo dục ở miền Nam giai đoạn này: “Nền giáo dục nói chung, và nền đại học nói riêng ở miền Nam Việt Nam hiện nay, về căn bản, vẫn chỉ là một (sự) thừa hưởng nền học chính thuộc địa do thực dân Pháp thành lập” [18, tr. 43]. Và để tạo điều kiện cho giáo dục phát triển, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã bước đầu thực hiện một số chính sách mới đối với giáo dục.

Chính sách đối với giáo dục được đề cập một cách chính thức trong bản Hiến pháp ngày 26-10-1956 (Hiến pháp 1956) của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Điều 26 Hiến pháp này quy định: “Quốc gia cố gắng cho mọi người dân một nền giáo dục cơ

bản có tính cách bắt buộc và miễn phí. Mọi người dân có quyền theo đuổi học vấn. Những người có khả năng mà không có phương tiện riêng, sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn. Quốc gia thừa nhận phụ huynh có quyền chọn trường cho con em, các đoàn thể và tư nhân mở trường theo điều kiện luật qui định. Quốc gia có thể công nhận các trường tư thục đại học cao đẳng chuyên nghiệp hội đủ điều kiện luật định. Văn bằng do những trường ấy cấp phát có thể được Quốc gia thừa nhận” [15, tr. 28].

Nhằm tạo ra sự đồng bộ về học thuật trong giáo dục, ngay từ năm 1956 “Bộ Quốc gia Giáo dục đã tổ chức một cuộc hội nghị nhằm thống nhất về ngôn ngữ trên các phương diện phát âm, chính tả, các từ đồng nghĩa, các từ đồng âm dị nghĩa, các phương ngữ, ấn định danh từ địa lý, danh từ khoa học kỹ thuật” [10, tr. 78].

Tuy nhiên, trong giai đoạn từ 1956 đến 1959 chính quyền Việt Nam Cộng hòa còn gặp phải những khó khăn về chính trị, quân sự nên những chính sách giáo dục chưa được triển khai thực hiện nhiều trên thực tế, nền giáo dục miền Nam “chỉ là sự nối tiếp của những gì đã có [từ thời Pháp]” [13, tr. 136]. Phải đến năm 1958 khi Đại hội Giáo dục Toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức tại Sài Gòn quy tụ nhiều nhân sĩ, học giả, phụ huynh học sinh, đại diện quân đội, chính quyền và các tổ chức quần chúng, đại diện ngành văn hóa và giáo dục các cấp từ tiểu học đến đại học, từ phổ thông đến kỹ thuật... thì triết lý giáo dục của miền Nam mới được thống nhất với ba nguyên tắc:

+ Nền giáo dục có tính “nhân bản” (humanistic education): nền giáo dục phải đề cao giá trị của con người; con người được coi là cứu cánh chứ không phải là một công cụ phục vụ cho một mục tiêu của bất cứ cá nhân, đảng phái hay tổ chức nào.

+ Nền giáo dục có tính “dân tộc” (nationalistic education): giáo dục phải tôn trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chương trình học phải gây được nơi học sinh “ý thức về quốc gia dân tộc Việt Nam, gây sự tự hào và lòng yêu nước ở thế hệ trẻ”.

+ Nền giáo dục phải có tính “khai phóng” (liberal education): nguyên tắc này đòi hỏi chương trình giáo dục phải có “tính cách mở rộng cửa để đón nhận những tư tưởng, những kiến thức khoa học tiến bộ ở mọi nơi để tạo số vốn hiểu biết phong phú, tân tiến và hiện đại chớ không đóng kín chặt hẹp trong một hệ thống lý thuyết hay tư tưởng nào” [6, tr. 544; 7; 8].

Việc xác định các nguyên tắc định hướng cho nền giáo dục đã giúp cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa xây dựng được các mục tiêu giáo dục cụ thể; giúp cho việc hoạch định đường lối chính sách, phương pháp sư phạm, chương trình học và cách thức tổ chức quản trị giáo dục phù hợp. Từ những nguyên tắc căn bản: “nhân bản”, “dân tộc”, “khai phóng”, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã đề ra những mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục, đó là:

+ Phát triển toàn diện mỗi cá nhân. Trong tinh thần tôn trọng nhân cách và giá trị của cá nhân học sinh, giáo dục hướng vào việc phát triển toàn diện mỗi cá nhân theo bản tính tự nhiên của mỗi người, theo những quy luật phát triển tự nhiên cả về thể chất lẫn tâm lý. Nhân cách và khả năng riêng của học sinh được lưu ý đúng mức. Cung cấp cho học sinh đầy đủ thông tin và dữ kiện để học sinh phán đoán, lựa chọn; không che giấu thông tin hay chỉ cung cấp những thông tin chọn lọc thiếu trung thực theo một chủ trương, hướng đi định sẵn nào.

+ Phát triển tinh thần quốc gia ở mỗi học sinh. Điều này thực hiện bằng cách: giúp học sinh hiểu biết hoàn cảnh xã hội, môi trường sống và lối sống của người dân; giúp học sinh hiểu biết lịch sử nước nhà, yêu thương xứ sở mình, ca ngợi tinh thần đoàn kết, tranh đấu của người dân trong việc chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc; giúp học sinh học tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt một cách có hiệu quả; giúp học sinh nhận biết nét đẹp của quê hương xứ sở, những tài nguyên phong phú của quốc gia, những phẩm hạnh truyền thống của dân tộc; giúp học sinh bảo tồn những truyền thống tốt đẹp, những phong tục giá trị của quốc gia; giúp học sinh có tinh thần tự tin, tự lực và tự lập.

+ Phát triển tinh thần dân chủ và tinh thần khoa học. Điều này thực hiện bằng cách: giúp học sinh tổ chức những nhóm làm việc độc lập qua đó phát triển tinh thần cộng đồng và ý thức tập thể; giúp học sinh phát triển óc phán đoán với tinh thần trách nhiệm và kỉ luật; giúp phát triển tính tò mò và tinh thần khoa học; giúp học sinh có khả năng tiếp nhận những giá trị văn hóa của nhân loại [2; tr. 20 - 21].

Đại hội Giáo dục Toàn quốc được tổ chức từ ngày 10-10-1964 đến ngày 22-10-1964 tiếp tục khẳng định lại các mục tiêu “nhân bản”, “dân tộc” và “khai phóng” trước đó một cách mạnh mẽ và cụ thể hơn [9, tr. 69]. Chính sách của chính quyền Sài Gòn được khái quát trong Đại hội này đã chính thức nêu lên 3 nguyên tắc có tính định hướng đối với nền giáo dục của miền Nam là: “Nhân bản - Dân tộc - Khai phóng”¹. Xác định công việc chính của trường học là dạy các nguyên tắc cơ bản² để giúp một con người trưởng thành/trở thành một công dân với những mối quan hệ xã hội của nó, Đại hội đã thông qua 4 mục tiêu của nền giáo dục:

1. Tạo khung cảnh và điều kiện thuận tiện cho mọi công dân phát triển nhân phẩm quân bình về ba phương diện: đức, trí, thể dục theo khả năng và chí hướng.

2. Đào tạo những con người đủ khả năng chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cần thiết cho mọi ngành sinh hoạt quốc gia.

¹ Quyết nghị số 1 ngày 14-10-1964 của Đại hội Giáo dục toàn quốc về các nguyên tắc định hướng của chính sách giáo dục [5, tr. 110].

² “The main job of the school is to teach the fundamentals” [4, tr. 3].

3. Phát huy nền văn hóa dân tộc và thu nhận tinh hoa của văn minh thế giới.

4. Cấp thời phát triển 2 ngành giáo dục kỹ thuật và nông nghiệp để góp phần vào việc nâng cao mức sống toàn dân³.

Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa năm 1967⁴ tái xác nhận những quy định của Hiến pháp 1956 về văn hóa giáo dục, có bổ sung một số nội dung mới:

“Quốc gia công nhận quyền tự do giáo dục;

Nền giáo dục cơ bản có tính cách cưỡng bách và miễn phí;

(...)

Quốc gia khuyến khích và nâng đỡ các công dân trong việc nghiên cứu và sáng tác về khoa học, văn học và nghệ thuật” (Điều 10)

Và “Văn hóa giáo dục phải được đặt vào hàng quốc sách trên căn bản dân tộc, khoa học và nhân bản;

Một ngân sách thích đáng phải được dành cho việc phát triển văn hóa giáo dục” (Điều 11), [16, tr. 491- 492].

Đến năm 1972, Hội đồng Văn hóa Giáo dục tiếp tục khẳng định những nguyên tắc căn bản, đồng thời vạch ra định hướng (mới) của nền giáo dục. Các nguyên tắc này được nêu ra theo ý nghĩa khác hơn so với ý nghĩa tương đương “triết lý giáo dục” đã nêu trong Đại hội Giáo dục Toàn quốc lần thứ nhất (1958). Đó là:

“(1). Mọi công dân có quyền và có bổn phận học hỏi để phát triển khả năng, hoàn thành nhân cách và phụng sự quốc gia nhân loại.

Nền giáo dục cơ bản có tính cách cưỡng bách và miễn phí phải được thực hiện để bảo đảm quyền được giáo dục tối thiểu của mọi công dân.

Nền giáo dục cơ bản trong hiện tại gồm cấp I giáo dục Phổ thông và trong vòng 10 năm tới phải bao gồm ít nhất là cấp II giáo dục Phổ thông. Quốc gia phải áp dụng mọi biện pháp hữu hiệu để chấm dứt thiếu nhi thất học và nạn trắng niên mù chữ.

(2). Mọi công dân có quyền tự do chọn ngành học, chương trình học và trường học thích hợp cho chính mình hay cho con em mình tùy theo khả năng và chí hướng của mình.

³ *Quyết nghị số 2* ngày 15-10-1964 của Đại hội Giáo dục toàn quốc về các mục tiêu của nền giáo dục Việt Nam [5, tr. 110].

⁴ Hiến pháp ngày 01-4-1967 của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

(3). Quốc gia phải tạo cơ hội đồng đều để cho công dân có thể theo đuổi sự học phù hợp với khả năng và chí hướng. Quốc gia phải khuyến khích, nâng đỡ thích đáng tất cả những ai có khả năng mà thiếu phương tiện học hỏi.

(4). Quốc gia phải dành một ngân sách thích đáng cho công cuộc phát triển giáo dục, tối thiểu là 10% tổng số ngân sách quốc gia, trong thời kì chiến tranh hiện nay [21, tr. 23-24].⁵

Về ngân sách dành cho giáo dục và giáo dục đại học của chính quyền Sài Gòn, có thể thấy ngân sách này khá khiêm tốn. Ngân sách dành cho giáo dục đại học hàng năm thường giao động trong khoảng 10% ngân sách quốc gia dành cho giáo dục và thường chiếm chưa đến 1% ngân sách quốc gia (giai đoạn 1968 - 1973) (chi tiết xem Bảng 1.).

Bảng 1. Ngân sách dành cho giáo dục, giáo dục đại học trong tương quan với ngân sách quốc gia giai đoạn 1968 - 1973*

	1968	1969	1970	1971	1972	1973
Ngân sách quốc gia	110.000	145.534	197.062	272.069	324.231	435.132
Ngân sách giáo dục	5.751	6.703	8.367	12.937	18.810	26.300
Ngân sách đại học	612	678	907	1.750	2.748	4.514
Tỉ lệ Ngân sách giáo dục/Ngân sách quốc gia	5,18%	4,60%	4,25%	4,75%	5,80%	6,04%
Tỉ lệ Ngân sách đại học/Ngân sách giáo dục	10,62%	10,62%	10,84%	13,59%	14,61%	17,16%
Tỉ lệ Ngân sách đại học/Ngân sách quốc gia	0,55%	0,47%	0,46%	0,65%	0,85%	1,04%

*Đơn vị: triệu đồng (tiền Việt Nam Cộng hòa). Nguồn: Higher Education Branch - USAID, dẫn theo: [17; tr. 43].

Trong 20 năm tồn tại của chế độ Việt Nam Cộng hòa (1955 - 1975), nền giáo dục miền Nam đã có những thay đổi đáng kể và rõ ràng dựa trên các chính sách mà chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã ban hành. Những chính sách này đã giúp định hình một nền giáo dục mới. Đây cũng là lần đầu tiên các nhà giáo dục miền Nam tự chủ động trong việc đề ra các sáng kiến giáo dục, chính điều này đã tạo đà cho nền giáo dục

⁵ Đối với bậc học phổ thông, Bộ Quốc gia Giáo dục cũng có những thay đổi dựa trên các nguyên tắc giáo dục. Ngày 16-7-1959, chính quyền Sài Gòn ban hành Nghị định số 1005-GD/NĐ cải tổ chương trình tiểu học [3, tr. 184 - 241]. Ở bậc trung học, cơ bản chương trình vẫn dựa trên Chương trình trung học Hoàng Xuân Hãn có từ năm 1945, chỉ có một số sửa đổi về thời gian học, thêm bớt các môn cho phù hợp.

miền Nam dần thoát khỏi ảnh hưởng của giáo dục Pháp, hướng đến một nền giáo dục “thực dụng” kiểu Mỹ, nhất là từ giữa những năm 1960 trở về sau.

2. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Giáo dục đại học ở miền Nam sau ngày Hiệp định Geneva được ký kết chủ yếu là sự hoạt động của chi nhánh Viện Đại học Đông Dương ở Sài Gòn. Tuy nhiên, việc tổ chức và hoạt động của thiết chế giáo dục này chưa có sự thay đổi một cách rõ rệt mà căn bản vẫn là hoạt động theo cách thức và mô hình của giáo dục đại học Pháp - vốn được định hình từ đầu thế kỉ XX.

Thời gian tiếp sau đó, bên cạnh việc thiết lập Viện Đại học Sài Gòn sau khi di chuyển cơ sở của Viện Đại học Đông Dương từ Hà Nội vào thì đến năm 1957 chính quyền Sài Gòn đã cho thành lập mới Viện Đại học Huế (Sắc lệnh số 45/GD ngày 01-3-1957 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa). Chính sách của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với giáo dục đại học từ thời gian này mới dần được định hình một cách rõ nét. Trong 20 năm tồn tại, dựa vào “khả năng kinh tế của đất nước” [11, tr. 29] và viện trợ từ bên ngoài, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã có những cố gắng nhất định trong việc thực hiện một chính sách giáo dục đại học (công lập, tư thực) đi sát với thực tiễn miền Nam.

Ngoài mục tiêu phát triển trường lớp, trang thiết bị, tổ chức quản lí, đào tạo nhân sự phục vụ đại học, từ giữa những năm 1960 trở đi, chính quyền Sài Gòn còn chú trọng nâng đỡ, khuyến khích việc thiết lập các viện đại học mới ngoài các viện đại học công lập lớn đã có: Viện Đại học Sài Gòn, Viện Đại học Huế, Viện Đại học Cần Thơ. Và phần nhiều các viện đại học được thiết lập mới này là các viện đại học tư thực. Chính quyền coi đó là giải pháp phù hợp khả dĩ nhằm xây dựng nền học vấn “quốc gia” trong hoàn cảnh chiến tranh, góp phần giảm tải cho các viện đại học công lập đang trong tình trạng quá tải do số lượng sinh viên tăng nhanh.

Về chính sách đối với giáo dục đại học, Đại hội Giáo dục Toàn quốc tháng 10-1964 đã thông qua Quyết nghị số 6 khẳng định “Đại học cần được tự trị về tài chánh và hành chính”⁶.

Đối với giáo dục đại học tư thực, việc thiết lập các đại học tư được chính quyền khuyến khích, miễn là đảm bảo được các điều kiện cần thiết:

a. Các tư nhân hay đoàn thể có thể xin mở đại học tư thực miễn là:

- Điều kiện ghi danh của sinh viên tương đương như tại các đại học công lập.

⁶ *Quyết nghị số 6* ngày 22-10-1964 của Đại hội Giáo dục toàn quốc về các đề nghị của tiểu ban Đại học đã ghi trong bản đúc kết [5, tr. 115].

- Trình độ của giáo sư tương đương như trình độ của giáo sư đại học công lập (thí dụ: văn bằng như nhau...).

b. Các đại học tư thục được quyền tự do ấn định chương trình học, phương pháp giảng dạy và chương trình thi; nhưng muốn được giá trị tương đương về học trình cũng như bằng cấp (équivalence de scolarité ou de diplôme) về phương diện khoa cử hay hành chính với các đại học công lập thì phải được sự thỏa thuận của các khoa liên hệ.

c. Các sinh viên được tự do ghi tên tại đại học tư thục và đại học công lập, miễn là hai viện đại học phải cùng ở một địa điểm.⁷

Chính sách đối với giáo dục đại học của chính quyền Việt Nam Cộng hòa còn được thể hiện rõ trong những văn kiện chính thức của chính quyền. Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa năm 1967 nêu rõ: “Nền giáo dục đại học được tự trị (...)” (Điều 10) [16, tr. 491].

Đến năm 1972, Hội đồng Văn hóa Giáo dục tiếp tục khẳng định: Nền đại học phải được tự trị để công việc giảng dạy, khảo cứu, sáng tác và phát minh có thể tiến hành và phát triển thuận lợi. Tuy nhiên nền tự trị phải được quan niệm và thực hiện trong sự tôn trọng luật pháp quốc gia” [21, tr. 24].

Về ảnh hưởng Mỹ đối với chính sách giáo dục đại học, cùng với sự can thiệp ngày càng sâu rộng của Mỹ vào các lĩnh vực đời sống xã hội ở miền Nam, lĩnh vực giáo dục dần trở thành một trong những trọng tâm trong chính sách văn hóa tư tưởng của Mỹ. Trong vấn đề này, các cơ quan cố vấn Mỹ có vai trò quan trọng. Các kế hoạch phát triển giáo dục của các phái đoàn đại học Mỹ (như Đại học Michigan (cố vấn về đào tạo nhân sự hành chính), Đại học Nam Illinois (cố vấn các vấn đề liên quan đến giáo dục tiểu học, hỗ trợ đào tạo giáo viên tiểu học), Đại học Ohio (giúp đỡ đào tạo giáo viên trung học), Đại học Florida (cố vấn các vấn đề về nông nghiệp), Đại học Missouri Rolla (cố vấn các vấn đề về giáo dục kỹ thuật) [13, tr. 148]; Đại học Wisconsin được USAID thuê sang để cải tổ toàn bộ chương trình và phương pháp quản lý hệ thống đại học ở miền Nam Việt Nam...) [14, tr. 51-53] đã góp phần định hình chính sách đối với giáo dục đại học ở miền Nam dưới thời Việt Nam Cộng hòa. Ảnh hưởng Mỹ thông qua các chương trình hỗ trợ giáo dục đó vì thế mà ngày càng tăng lên, đẩy lùi dần ảnh hưởng của giáo dục Pháp ở miền Nam.

Về tài chính, ngân sách của chính quyền dành cho giáo dục chiếm một tỉ lệ khiêm tốn trong tổng ngân sách quốc gia. Năm 1960 ngân sách giành cho giáo dục là 1.012.400.000 đồng (chiếm tỉ lệ 11,3% tổng số ngân sách dân sự), năm 1968 tăng lên 4.000.000.000 đồng [105; tr. 92] và năm 1970 ngân sách là 8.078.100.000 đồng (chiếm tỉ lệ

⁷ Quyết nghị số 6 ngày 22-10-1964, Tài liệu đã dẫn (Tlđd) [5, tr. 116].

17,9% tổng số ngân sách dân sự) [1, tr. 25]. Nhìn chung, ngân sách dành cho giáo dục ở miền Nam Việt Nam thường chiếm trung bình khoảng 7,5 - 8% ngân sách quốc gia (kém xa ngân sách quốc phòng (thường chiếm khoảng 43%) và ngân sách dành cho nội vụ (khoảng 13%))⁸. Đây là một tỉ lệ tương đối thấp nếu so với các nước chậm phát triển khác.

Riêng với hệ thống các trường đại học tư thục, nguồn kinh phí chủ yếu phục vụ hoạt động của các viện đại học này là của tư nhân, các đoàn thể tôn giáo và sự viện trợ của các tổ chức ở trong và ngoài nước. Sự hỗ trợ tài chính của chính quyền là rất hạn chế. Chẳng hạn trong niên khóa 1974 - 1975, mức tài trợ của chính quyền cho 05 viện đại học tư thục ở miền Nam là 200 triệu đồng (dự kiến tăng lên 600 triệu niên học sau đó). Số tiền tài trợ của chính quyền cho các đại học tư thục vốn đã khiêm tốn lại càng ít ỏi hơn do tình trạng tham nhũng khá phổ biến trong xã hội miền Nam. Trên thực tế các trường “không nhận đủ một phần năm tiền tài trợ trên”⁹ [19].

Nhằm tạo những chuyển biến tích cực cho nền giáo dục đại học miền Nam, các cuộc thảo luận về giáo dục đại học cũng đã được tổ chức. Tháng 9-1968, một cuộc hội thảo về giáo dục đại học được tổ chức ở Nha Trang với sự tham gia của các viện đại học. Hội thảo này đã quyết nghị một số vấn đề về tự trị đại học, về học chế (quy chế đào tạo), về nhân sự và ngân sách [20, tr. 23-24].

Năm 1972 hội thảo Kế hoạch giáo dục đại học được tổ chức tại Sài Gòn (từ ngày 10-3 đến 14-3-1972). Kết quả là một Ủy ban Liên viện ra đời (với 10 thành viên là đại diện của các viện đại học ở miền Nam) có nhiệm vụ thúc đẩy và hỗ trợ sự phát triển của các viện đại học. Hội thảo cũng đã nhấn mạnh sự cần thiết của việc hướng dẫn nghề nghiệp cho sinh viên và sự tham gia của tư nhân vào việc phát triển giáo dục đại học.

Cũng trong năm 1972, chính quyền Sài Gòn đã ban hành Sắc luật về giáo dục đại học (12-1972). Theo đó, giáo dục đại học được định nghĩa là “Giáo dục ở bậc kế tiếp giáo dục trung học, và gồm có giảng dạy, khảo cứu và phổ biến kiến thức” [22, tr. 1].

Sắc luật cũng khẳng định giáo dục đại học nhằm:

+ Phát huy văn hóa dân tộc.

+ Đào tạo chuyên viên mọi ngành cần thiết cho việc phát triển quốc gia.

⁸ Còn theo số liệu của Nguyễn Văn Hào (Bộ trưởng Bộ Kinh tế chính quyền Sài Gòn) thì trong giai đoạn 1954 - 1963, dự chi ngân sách dành cho giáo dục chỉ chiếm khoảng 5,5% ngân sách quốc gia. Trong các năm 1964 - 1970 tỉ lệ đó còn giảm xuống 4,5% [12, tr. 152].

⁹ Nhận xét này có lẽ hơi phóng đại nhưng cũng đã giúp chúng ta hình dung được tình trạng tham nhũng nặng nề trong xã hội miền Nam thời kì trước năm 1975.

+ Khuyến khích nghiên cứu, sáng tác và quảng bá kiến thức văn hóa, nhân văn, xã hội, khoa học và kỹ thuật, hầu góp phần vào nền văn minh nhân loại” [22, tr. 1].

3. KẾT LUẬN

Nhìn chung, trong 20 năm tồn tại của chế độ Việt Nam Cộng hòa (1955 - 1975), chính quyền Sài Gòn đã có những cố gắng đáng kể trong việc định hình chính sách đối với giáo dục và giáo dục đại học, điều đó đã định hướng cho sự phát triển của giáo dục nói chung cũng như giáo dục đại học nói riêng ở miền Nam. Các nguyên tắc “Nhân bản - Dân tộc - Khai phóng” (1958) rồi “Dân tộc - Khoa học - Nhân bản” (Hiến pháp 1967) của nền giáo dục tuy tồn tại gần như xuyên suốt nhưng trên thực tế, chính sách giáo dục của chính quyền nhiều thời điểm vẫn bộc lộ những hạn chế, các kế hoạch phát triển giáo dục đại học dài hơi tuy có được các cuộc hội thảo đề cập và “đúc kết” nhưng trong thực tế vẫn chưa được thực hiện đầy đủ (do bối cảnh chính trị - xã hội cũng như vai trò ngày càng lấn át của Mỹ trong việc “giải quyết” các vấn đề văn hóa - xã hội của miền Nam, trong đó có giáo dục đại học).

Sự thiếu đồng bộ trong chính sách, việc phát triển giáo dục đại học nặng về các ngành xã hội nhân văn mà thiếu các ngành kỹ thuật (rất cần thiết cho một xã hội còn lạc hậu như miền Nam) là biểu hiện rõ nhất những hạn chế của chính sách đối với giáo dục đại học của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục (1972). *Hội thảo Kế hoạch giáo dục đại học*, Viện Đại học Sài Gòn, Sài Gòn.
- [2]. Trần Văn Chánh (2014). “Giáo dục miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) trên con đường xây dựng và phát triển”, Tạp chí *Nghiên cứu và phát triển*, số 7-8 (114-115), tr. 4 - 52.
- [3]. Trần Văn Chánh (2014). “Chương trình giáo dục và sách giáo khoa thời Việt Nam Cộng hòa”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 7-8 (114-115), tr. 184 - 241
- [4]. Kenneth H. Hansen (1960). *Philosophy for American Education*, Prentice-Hall, Inc, New Jersey, U.S.A.
- [5]. Hội đồng Quốc gia Giáo dục (1969). *Kỷ yếu*, Hội đồng Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
- [6]. Lê Xuân Khoa (2014). “Đại học miền Nam trước 1975 - hồi tưởng và nhận định”, in trong *Đại học Humboldt 200 năm (1810 - 2010) - kinh nghiệm thế giới và Việt Nam* của nhóm tác giả: Ngô Bảo Châu, Pierre Darriulat, Cao Huy Thuần, Hoàng Tụy, Nguyễn Xuân Xanh, Phạm Xuân Yêm, Nxb Tri thức, Hà Nội, tr. 537 - 552.
- [7]. Nguyễn Thanh Liêm (2006). “Giáo dục ở miền Nam Việt Nam”, in trong *Giáo dục ở Miền Nam tự do trước 1975*, Nguyễn Thanh Liêm (cb), Lê Văn Duyệt Foundation và Tập san Nghiên cứu Văn hóa Đồng Nai Cửu Long, CA, U.S.A., tr. 12 - 50.
- [8]. Nguyễn Thanh Liêm (2006). “Trần Hữu Thế”, in trong *Giáo dục ở Miền Nam tự do trước 1975*, Nguyễn Thanh Liêm (cb), Lê Văn Duyệt Foundation và Tập san Nghiên cứu Văn hóa Đồng Nai Cửu Long, CA, U.S.A., tr. 52 - 54.
- [9]. Đinh Đồng Nhất (1969). “Giáo dục tráng niên”, in trong *Kỷ yếu Hội đồng Quốc gia Giáo dục*, Hội đồng Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, tr. 67 - 87.
- [10]. Nguyễn Văn Nhật (2014). “Nền giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam trước năm 1975”, Tạp chí *Nghiên cứu và phát triển*, số 7-8 (114-115), tr. 75 - 91.
- [11]. Nguyễn Văn Phú (1969). “Bàn về giáo dục”, in trong *Kỷ yếu Hội đồng Quốc gia Giáo dục*, Hội đồng Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, tr. 27 - 30.
- [12]. Võ Quang Phúc (1979). “Âm mưu áp đặt chủ nghĩa thực dân mới của Đế quốc Mỹ vào nền giáo dục phổ thông ở miền Nam Việt Nam”, in trong *Văn hóa, văn nghệ miền Nam dưới chế độ Mỹ - nguy, tập II*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr. 145 - 186.
- [13]. Nguyễn Hữu Phước (2006). “Sơ lược lịch sử giáo dục Việt Nam (1954 - 1974): dân tộc, nhân bản, khai phóng”, in trong *Giáo dục ở Miền Nam tự do trước 1975*, Nguyễn Thanh Liêm (cb), Lê Văn Duyệt Foundation và Tập san Nghiên cứu Văn hóa Đồng Nai Cửu Long, CA, U.S.A., tr. 134 - 151.
- [14]. Lữ Phương (1981). *Cuộc xâm lăng về văn hóa và tư tưởng của đế quốc Mỹ tại miền Nam Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [15]. Republic of Vietnam (1956). *The Constitution of The Republic of Vietnam*, The Secretariat of State for Information, Saigon.

- [16]. Republic of Vietnam (1975). "The Constitution of The Republic of Vietnam" (1967), In *The Republic of Vietnam's environment & people*, Phan Quang Dan, (1 st ed.), Saigon An quan, Saigon, pp. 489 - 525.
- [17]. Nguyễn Thanh Trang (1975). "Đại học tư lập và phát triển", Tạp chí *Tư tưởng*, số 48, 22-01-1975, tr. 40 - 63.
- [18]. Nguyễn Văn Trung (1967). *Góp phần phê phán giáo dục và đại học*, Trình Bày xuất bản, Sài Gòn.
- [19]. Mai Thanh Truyết (2000). *Đại học tư lập và việc phát triển vùng*, nguồn: <http://www.vastvietnam.org/truyet/trdht.html>
- [20]. Nguyễn Chung Tú (1969). "Năm năm đã qua hay là một vài nhận định về công việc làm của Văn phòng Hội đồng Quốc gia Giáo dục", in trong *Kỷ yếu Hội đồng Quốc gia Giáo dục*, Hội đồng Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, tr. 19 - 26.
- [21]. Việt Nam Cộng hòa (1972). *Chính sách văn hóa giáo dục*, Hội đồng Văn hóa Giáo dục, Sài Gòn.
- [22]. Việt Nam Cộng hòa, Phủ Tổng thống (1972). *Sắc luật Giáo dục đại học*, Sài Gòn.

**THE POLICY OF REPUBLIC OF VIETNAM'S GOVERNMENT
FOR HIGHER EDUCATION (1955 - 1975)**

Pham Ngoc Bao Liem

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: pnbliem@gmail.com

ABSTRACT

After the establishment of Republic of Vietnam government in South Vietnam (1955), in addition to addressing the political and military matters, this regime also implemented socio-cultural policies to regulate the development of the South Vietnam's society within the new historical context. In that overall, policies regarding higher education began to take shape gradually.

This article aims to elucidate the key aspects of the formation and the contents of Republic of Vietnam government's policies on education and higher education during the period spanning from 1955 to 1975 in South Vietnam.

Keywords: Education policy, higher education, Republic of Vietnam, South Vietnam.



Phạm Ngọc Bảo Liêm sinh ngày 05/6/1982 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân ngành Lịch sử năm 2005; thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử năm 2009 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Ông nhận học vị tiến sĩ năm 2020 tại Đại học Huế. Hiện nay, ông công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: lịch sử Việt Nam hiện đại, lịch sử giáo dục, lí luận sử học.